

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 1

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Phân số nào dưới đây là phân số thập phân

- A. $\frac{100}{57}$ B. $\frac{65}{100}$ C. $\frac{15}{20}$ D. $\frac{30}{55}$

Câu 2. Phân số $\frac{183}{100}$ viết ở dạng hỗn số là:

- A. $3\frac{18}{100}$ B. $18\frac{3}{100}$ C. $1\frac{83}{100}$ D. $180\frac{3}{100}$

Câu 3. Số thập phân 25,409 đọc là:

- A. Hai mươi lăm phẩy bốn mươi chín
 B. Hai mươi lăm phẩy bốn trăm linh chín
 C. Hai lăm phẩy bốn không chín
 D. Hai mươi lăm bốn không chín

Câu 4. Làm tròn số 0,158 đến hàng phần mười ta được:

- A. 0,17 B. 0,159 C. 0,16 D. 0,2

Câu 5. Trong các số đo khối lượng: 5,14 tấn; 5 tấn 40 kg; 5,05 tấn; 5,5 tấn, số đo bé nhất là:

- A. 5,14 tấn B. 5 tấn 40 kg C. 5,05 tấn D. 5,5 tấn

Câu 6. Tổng diện tích hai mảnh đất trồng khoai tây và ngô là 1 ha 300 m². Diện tích mảnh đất trồng khoai tây nhỏ hơn diện tích mảnh đất trồng ngô là 500 m². Vậy diện tích mảnh đất trồng khoai tây là:

- A. 4 900 m² B. 5 400 m² C. 5 600 m² D. 1 800 m²

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Viết số thập phân có:

- a) Hai đơn vị, chín phần trăm:
 b) Năm trăm, bốn đơn vị, năm phần mười, tám phần trăm:
 c) Không đơn vị, bảy phần mười, sáu phần trăm, bốn phần nghìn:
 d) Mười sáu đơn vị, ba mươi tám phần nghìn:

Câu 2. Chuyển các hỗn số sau thành phân số rồi thực hiện phép tính:

$$1\frac{3}{8} + 2\frac{1}{4} = \dots\dots\dots$$

$$5\frac{3}{4} - 2\frac{5}{6} = \dots\dots\dots$$

$$1\frac{4}{5} \times 2\frac{7}{9} = \dots\dots\dots$$

$$6\frac{1}{2} : 4\frac{7}{8} = \dots\dots\dots$$

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện:

$$\begin{aligned} \text{a) } 724 \times 63 + 724 \times 37 - 4\,500 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } \frac{7}{15} \times \frac{4}{11} + \frac{4}{11} \times \frac{8}{15} + \frac{2}{3} &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

Câu 4. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

$$\text{a) } 5\text{km } 63\text{m} = \dots\dots\dots \text{ km}$$

$$\text{b) } 18 \text{ m}^2 \text{ } 35 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$\text{c) } 219\,000 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$$

$$\text{d) } 36 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$$

Câu 5. Người ta muốn xây dựng một khu chung cư trên mảnh đất có diện tích 3 ha. Trong đó $\frac{2}{5}$ diện tích đất được dùng để xây các tòa nhà. Diện tích còn lại làm hồ điều hòa và khu vui chơi. Tính diện tích làm hồ điều hòa và khu vui chơi theo đơn vị mét vuông.

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân:

A. $\frac{100}{57}$

B. $\frac{65}{100}$

C. $\frac{15}{20}$

D. $\frac{30}{55}$

Phương pháp

Phân số thập phân có mẫu số là 10, 100, 1 000, ...

Lời giải

Phân số thập phân là $\frac{65}{100}$

Đáp án: B

Câu 2. Phân số $\frac{183}{100}$ viết ở dạng hỗn số là:

A. $3\frac{18}{100}$

B. $18\frac{3}{100}$

C. $1\frac{83}{100}$

D. $180\frac{3}{100}$

Phương pháp

Cách chuyển phân số thành hỗn số:

Lấy tử số chia cho mẫu số. Thương của phép chia chính là phần nguyên của hỗn số, số dư trong phép chia là tử số ở phần phân số, giữ nguyên mẫu số.

Lời giải

Ta có $\frac{183}{100} = 1\frac{83}{100}$

Đáp án: C

Câu 3. Số thập phân 25,409 đọc là:

A. Hai mươi lăm phẩy bốn mươi chín

B. Hai mươi lăm phẩy bốn trăm linh chín

C. Hai lăm phẩy bốn không chín

D. Hai mươi lăm bốn không chín

Phương pháp

Muốn đọc một số thập phân, trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu phẩy, sau đó đọc phần thập phân.

Lời giải

Số thập phân 25,409 đọc là: Hai mươi lăm phẩy bốn trăm linh chín

Chọn B

Câu 4. Làm tròn số 0,158 đến hàng phần mười ta được:

A. 0,17

B. 0,159

C. 0,16

D. 0,2

Phương pháp

Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, ta so sánh chữ số ở hàng phần trăm với 5. Nếu chữ số hàng phần trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Lời giải

Làm tròn số 0,158 đến hàng phần mười ta được số 0,2 (vì chữ số ở hàng phần trăm là 5, làm tròn lên)

Đáp án: D

Câu 5. Trong các số đo khối lượng: 5,14 tấn; 5 tấn 40 kg; 5,05 tấn; 5,5 tấn, số đo bé nhất là:

- A. 5,14 tấn B. 5 tấn 40 kg C. 5,05 tấn D. 5,5 tấn

Phương pháp

Đổi 5 tấn 40 kg sang số thập phân rồi so sánh

Lời giải

Đổi: 5 tấn 40 kg = 5,04 tấn

Ta có $5,04 < 5,05 < 5,14 < 5,5$

Vậy số đo bé nhất là 5 tấn 40 kg.

Đáp án: B

Câu 6. Tổng diện tích hai mảnh đất trồng khoai tây và ngô là 1 ha 300 m². Diện tích mảnh đất trồng khoai tây nhỏ hơn diện tích mảnh đất trồng ngô là 500 m². Vậy diện tích mảnh đất trồng khoai tây là:

- A. 4 900 m² B. 5 400 m² C. 5 600 m² D. 1 800 m²

Phương pháp

Đổi: 1 ha 300 m² sang đơn vị mét vuông

Diện tích mảnh đất trồng khoai tây = (tổng diện tích – hiệu) : 2

Lời giải

Đổi: 1 ha 300 m² = 10 000 m²

Diện tích mảnh đất trồng khoai tây là $(10\ 000 - 500) : 2 = 4\ 750$ (m²)

Đáp án: A**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Viết số thập phân có:

- a) Hai đơn vị, chín phần trăm:
- b) Năm trăm, bốn đơn vị, năm phần mười, tám phần trăm:
- c) Không đơn vị, hai phần mười, chín phần trăm:
- d) Mười sáu đơn vị, ba mươi tám phần nghìn:

Phương pháp

Muốn viết (hoặc đọc) số thập phân, trước hết viết (hoặc đọc) phần nguyên, viết (hoặc đọc) dấu phẩy, sau đó viết (hoặc đọc) phần thập phân.

Lời giải

a) Hai đơn vị, chín phần trăm: **2,09**

b) Năm trăm, bốn đơn vị, năm phần mười, tám phần trăm: **504,58**

c) Không đơn vị, bảy phần mười, sáu phần trăm, bốn phần nghìn: **0,764**

d) Mười sáu đơn vị, ba mươi tám phần nghìn: **16,038**

Câu 2. Chuyển các hỗn số sau thành phân số rồi thực hiện phép tính:

$$1\frac{3}{8} + 2\frac{1}{4} = \dots\dots\dots$$

$$5\frac{3}{4} - 2\frac{5}{6} = \dots\dots\dots$$

$$1\frac{4}{5} \times 2\frac{7}{9} = \dots\dots\dots$$

$$6\frac{1}{2} : 4\frac{7}{8} = \dots\dots\dots$$

Phương pháp

Chuyển các hỗn số về phân số rồi thực hiện theo quy tắc đã học.

Lời giải

$$1\frac{3}{8} + 2\frac{1}{4} = \frac{11}{8} + \frac{9}{8} = \frac{11}{8} + \frac{18}{8} = \frac{29}{8}$$

$$5\frac{3}{4} - 2\frac{5}{6} = \frac{23}{4} - \frac{17}{6} = \frac{69}{12} - \frac{34}{12} = \frac{35}{12}$$

$$1\frac{4}{5} \times 2\frac{7}{9} = \frac{9}{5} \times \frac{25}{9} = 5$$

$$6\frac{1}{2} : 4\frac{7}{8} = \frac{13}{2} : \frac{39}{8} = \frac{13}{2} \times \frac{8}{39} = \frac{4}{3}$$

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện:

$$\begin{aligned} \text{a) } 724 \times 63 + 724 \times 37 - 4\,500 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } \frac{7}{15} \times \frac{4}{11} + \frac{4}{11} \times \frac{8}{15} + \frac{2}{3} &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

Phương pháp

Áp dụng công thức: $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 724 \times 63 + 724 \times 37 - 4\,500 &= 724 \times (63 + 37) - 4\,500 \\ &= 724 \times 100 - 4\,500 \\ &= 72\,400 - 4\,500 = 67\,900 \end{aligned}$$

$$\text{b) } \frac{7}{15} \times \frac{4}{11} + \frac{4}{11} \times \frac{8}{15} + \frac{2}{3} = \frac{4}{11} \times \left(\frac{7}{15} + \frac{8}{15} \right) + \frac{2}{3} = \frac{4}{11} \times 1 + \frac{2}{3} = \frac{4}{11} + \frac{2}{3} = \frac{12}{33} + \frac{22}{33} = \frac{34}{33}$$

Câu 4. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 5km 63m = km b) 18 m² 35 dm² = m²
c) 219 000 m² = ha d) 36 ha = km²

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{m} = \frac{1}{1000} \text{ km}$; $1 \text{ dm}^2 = \frac{1}{100} \text{ m}^2$

$$1\text{m}^2 = \frac{1}{10000} \text{ ha} ; 1\text{ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$$

Lời giải

- a) 5km 63m = **5,063** km b) 18 m² 35 dm² = **18,35** m²
c) 219 000 m² = **21,9** ha d) 36 ha = **0,36** km²

Câu 5. Người ta muốn xây dựng một khu chung cư trên mảnh đất có diện tích 3 ha. Trong đó $\frac{2}{5}$ diện tích đất được dùng để xây các tòa nhà. Diện tích còn lại làm hồ điều hòa và khu vui chơi. Tính diện tích làm hồ điều hòa và khu vui chơi theo đơn vị mét vuông.

Phương pháp

- Đổi: 3 ha sang đơn vị m²
- Tìm diện tích để xây các tòa nhà = Diện tích mảnh đất $\times \frac{2}{5}$
- Diện tích làm hồ điều hòa và khu vui chơi = Diện tích mảnh đất - diện tích để xây các tòa nhà

Lời giải

$$\text{Đổi: } 3 \text{ ha} = 30\,000 \text{ m}^2$$

Diện tích để xây phòng học và nhà hiệu bộ là:

$$30\,000 \times \frac{2}{5} = 12\,000 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích đất làm sân trường và khu vực để xe là:

$$30\,000 - 12\,000 = 18\,000 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 18 000 m²

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com